

Số: 19/2021/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền định phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa
ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa
ngân sách các cấp năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định chi tiết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022.

b) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán thu, chi ngân sách nhà nước.

3. Nguyên tắc

a) Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng cấp chính quyền địa phương.

b) Tăng cường nguồn lực cho ngân sách các cấp, tạo điều kiện chủ động cho các cấp ngân sách trong quá trình thực hiện quản lý khai thác nguồn thu, khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu và sử dụng ngân sách phục vụ nhiệm vụ được giao, hạn chế việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

c) Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong hệ thống ngân sách tỉnh bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của địa phương và tính chủ động của ngân sách cấp huyện.

d) Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ.

đ) Ngân sách cấp xã được phân chia nguồn thu từ các khoản: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất.

e) Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ. Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã được chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

g) Trong phân cấp nhiệm vụ chi đối với thành phố Lạng Sơn có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác. Tăng cường phân cấp, bảo đảm nguồn lực cho thành phố Lạng Sơn phát triển và tăng tỷ lệ cân đối thu, chi theo Nghị quyết số 40-NQ-TU ngày 05/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về xây dựng và phát triển thành phố Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, định hướng đến 2050.

4. Nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022 chi tiết tại Phụ lục số 01 và 02 kèm theo.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Đài PTTH tỉnh, Báo Lạng Sơn
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

**PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI
GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP Ở ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Lạng Sơn)

PHẦN I - PHÂN CẤP NGUỒN THU

I. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100%

1.1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương và khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương;

1.2. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Cục Thuế thu nộp;

1.3. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

1.4. Thuế thu nhập cá nhân do Cục Thuế thu nộp;

1.5. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;

1.6. Thuế bảo vệ môi trường (phần ngân sách địa phương được hưởng);

1.7. Thu từ các khoản phí, lệ phí: phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật từ các khoản phí, lệ phí do Trung ương ban hành và phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành do các cơ quan cấp tỉnh thu nộp;

1.8. Thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do cơ quan cấp tỉnh quản lý, sử dụng; thu công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quyết định;

1.9. Thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;

1.10. Thu tiền khai thác, cho thuê tài sản nhà nước do cơ quan cấp tỉnh quản lý;

1.11. Tiền thuê mặt đất, mặt nước thu một lần cho cả thời gian thuê;

1.12. Thu tiền xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

1.13. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (phần ngân sách địa phương được hưởng);

1.14. Các khoản huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp tỉnh;

- 1.15. Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa;
- 1.16. Thu từ bán tài sản nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý thu nộp;
- 1.17. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý thu nộp;
- 1.18. Thu từ tài sản nhà nước giao các tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh giao tài sản;
- 1.19. Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước cấp tỉnh;
- 1.20. Thu chuyển nguồn từ ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách cấp tỉnh năm sau;
- 1.21. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại Điều 71 của Luật Ngân sách nhà nước;
- 1.22. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh theo quy định tại Điều 11 của Luật Ngân sách nhà nước;
- 1.23. Thu từ các khoản vay để bù đắp bội chi theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước;
- 1.24. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương;
- 1.25. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu nộp.

2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện

- 2.1. Thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp dịch vụ ngoài quốc doanh trên địa bàn thành phố;
- 2.2. Thu giao đất có thu tiền sử dụng đất thực hiện dự án do nhà đầu tư thực hiện và dự án từ nguồn ngân sách tỉnh do tỉnh quyết định đầu tư.

II. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện

1. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện *(chi tiết như đã nêu tại mục 2, phần I)*

2. Các khoản thu ngân sách cấp huyện được hưởng 100%

- 2.1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ địa bàn thành phố), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do cấp huyện thu nộp;
- 2.2. Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà đất);
- 2.3. Thuế thu nhập cá nhân do Chi cục Thuế thu nộp;

2.4. Thu từ các khoản phí, lệ phí: phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật từ các khoản phí, lệ phí do Trung ương ban hành; phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành do các cơ quan cấp huyện trực tiếp thu, nộp;

2.5. Thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do cơ quan cấp huyện quản lý, sử dụng; thu giao đất có thu tiền sử dụng đất thực hiện dự án do cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư; thu công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất do cấp huyện quyết định;

2.6. Thu tiền khai thác, cho thuê tài sản nhà nước do cơ quan cấp huyện quản lý;

2.7. Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước hàng năm;

2.8. Thu tiền xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác do cơ quan cấp huyện thực hiện;

2.9. Các khoản huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp huyện;

2.10. Thu từ bán tài sản nhà nước (không bao gồm tài sản trên đất) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý thu nộp;

2.11. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện xử lý thu nộp;

2.12. Thu từ tài sản nhà nước giao các tổ chức kinh tế do cơ quan cấp huyện giao tài sản;

2.13. Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước cấp huyện;

2.14. Thu chuyển nguồn từ ngân sách cấp huyện năm trước sang ngân sách cấp huyện năm sau;

2.15. Thu kết dư ngân sách cấp huyện (theo quy định tại Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước);

2.16. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh;

2.17. Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã

3.1. Lệ phí trước bạ nhà, đất đối với nhà, đất thuộc địa bàn phường;

3.2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phát sinh trên địa bàn phường.

III. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã (chi tiết như đã nêu tại mục 3, phần II).

2. Các khoản thu ngân sách cấp xã được hưởng 100%

2.1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh phát sinh trên địa bàn các huyện do các xã, thị trấn nộp; thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do các xã, phường, thị trấn nộp;

2.2. Lệ phí trước bạ nhà, đất đối với nhà, đất thuộc địa bàn xã, thị trấn;

2.2. Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp phát sinh trên địa bàn xã, phường, thị trấn;

2.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phát sinh trên địa bàn xã, thị trấn;

2.4. Thu từ các khoản phí, lệ phí: phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật từ các khoản phí, lệ phí do Trung ương ban hành; phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành do cơ quan cấp xã thu nộp;

2.5. Thu tiền xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác do cơ quan cấp xã thực hiện;

2.6. Các khoản huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp xã;

2.7. Thu từ bán tài sản nhà nước (không bao gồm tài sản trên đất) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý thu nộp;

2.8. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã xử lý thu nộp;

2.9. Thu từ tài sản nhà nước giao các tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã giao tài sản;

2.10. Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước cấp xã;

2.11. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý;

2.12. Thu chuyển nguồn từ ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau;

2.13. Thu kết dư ngân sách cấp xã (theo quy định tại Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước);

2.14. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện;

2.15. Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

PHẦN II - PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

I. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Đầu tư cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án do cấp tỉnh quản lý thuộc các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 2, Điều 38 của Luật Ngân sách nhà nước.

1.2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

1.3. Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên (bao gồm chi sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu).

2.1. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bao gồm:

- Trường Trung học phổ thông, trường Phổ thông dân tộc nội trú, Trung tâm Giáo dục thường xuyên thuộc cấp tỉnh quản lý và các hoạt động giáo dục khác do cấp tỉnh thực hiện.

- Đào tạo cao đẳng, trung cấp; đào tạo, bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; đào tạo nghề.

- Đào tạo ngoài nước.

- Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác do cấp tỉnh thực hiện.

- Chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành giáo dục; chi hỗ trợ các trường đạt chuẩn quốc gia, chi duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực của ngành.

2.2. Sự nghiệp khoa học và công nghệ, bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công về các lĩnh vực khoa học công nghệ và các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

2.3. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội theo phân cấp quản lý thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do Chính phủ quy định và khả năng cân đối ngân sách:

- Diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh; tổ chức huy động lực lượng dự bị động viên theo phân cấp; tổ chức hoạt động lực lượng Dân quân tự vệ; đảm bảo công tác phòng không nhân dân; thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, thực hiện chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân địa phương theo phân cấp; tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; hỗ trợ bảo quản, sửa chữa các công trình phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của cơ quan quân sự địa phương; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu chính trị, kinh tế,

xã hội, các công trình quốc phòng, khu quân sự và các nhiệm vụ quốc phòng khác do cấp tỉnh thực hiện.

- Thực hiện các nhiệm vụ về công tác an ninh trật tự và an toàn xã hội theo quy định; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về an ninh khác do cấp tỉnh thực hiện.

2.4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm:

- Hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần, y dược cổ truyền, trang thiết bị y tế, dược mỹ phẩm do cấp tỉnh thực hiện.

- Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm, sức khỏe sinh sản và các hoạt động y tế khác do cấp tỉnh quản lý.

2.5. Sự nghiệp văn hóa thông tin bao gồm: chi tổ chức các chương trình văn hóa nghệ thuật do cấp tỉnh thực hiện; chi tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ; bảo tồn, bảo tàng, phim, ảnh, thư viện, lưu trữ, trùng tu di tích lịch sử; các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật, chiếu phim; hoạt động thông tin, truyền thông, xuất bản, báo chí; hoạt động công tác gia đình và các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp tỉnh thực hiện.

2.6. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình bao gồm: thông tấn, phát thanh, truyền hình do cấp tỉnh thực hiện.

2.7. Sự nghiệp thể dục, thể thao bao gồm: đào tạo, huấn luyện, tập huấn, bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh và tham gia các giải thi đấu cấp khu vực, quốc gia; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao; bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc và các hoạt động thể dục, thể thao khác do cấp tỉnh thực hiện.

2.8. Sự nghiệp bảo vệ môi trường bao gồm: điều tra, quan trắc và phân tích môi trường, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; ứng phó với biến đổi khí hậu; xử lý chất thải; bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường và các hoạt động bảo vệ môi trường khác do cấp tỉnh thực hiện.

2.9. Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm: các hoạt động bảo vệ, phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, khuyến nông, xây dựng nông thôn mới, ổn định dân cư nông thôn do cấp tỉnh thực hiện.

- Sự nghiệp giao thông: bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý và hoạt động giao thông khác, hỗ trợ vận tải do cấp tỉnh thực hiện.

- Sự nghiệp tài nguyên bao gồm: hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và

các hoạt động quản lý tài nguyên khác do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện theo phân cấp quản lý.

- Chi kiến thiết thị chính gồm: duy tu, bảo dưỡng hệ thống cấp thoát nước, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

- Công nghệ thông tin; hoạt động khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch do đơn vị cấp tỉnh thực hiện.

- Đối ứng kinh phí sự nghiệp thực hiện các dự án ODA, các dự án phi chính phủ nước ngoài.

- Các hoạt động kinh tế khác, bao gồm cả tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động và các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh thực hiện.

2.10. Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ chi hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao; các nhiệm vụ khác thuộc cơ quan quản lý hành chính cấp tỉnh thực hiện.

2.11. Chi bảo đảm xã hội, bao gồm: chi công tác người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội do cấp tỉnh thực hiện.

2.12. Các khoản chi thường xuyên khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật (bao gồm cả chi ủy thác sang Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn).

3. Chi trả gốc, lãi các khoản do tỉnh vay theo quy định tại khoản 5, Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính tỉnh.

5. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

6. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách cấp tỉnh năm sau.

7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

II. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Đầu tư cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án do cấp huyện quản lý thuộc các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 2, Điều 38 của Luật Ngân sách nhà nước.

1.2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

1.3. Chi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước đối với thành phố Lạng Sơn.

1.4. Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp huyện thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên (bao gồm chi sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu)

2.1. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

- Giáo dục trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học; trường tiểu học, trường mầm non.
- Giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp và đào tạo nghề.
- Đào tạo, bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.
- Các hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác trên địa bàn cấp huyện quản lý.

2.2. Sự nghiệp khoa học và công nghệ: chi nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

2.3. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: theo phân cấp quản lý thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh của địa phương và khả năng cân đối ngân sách:

- Diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện; tổ chức huy động lực lượng dự bị động viên; tổ chức hoạt động lực lượng Dân quân tự vệ do huyện quản lý; đảm bảo công tác phòng không nhân dân; thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, thực hiện chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân địa phương theo phân cấp; Tổ chức thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; hỗ trợ bảo quản, sửa chữa các công trình phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của cơ quan quân sự địa phương; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội, các công trình quốc phòng, khu quân sự và các nhiệm vụ quốc phòng khác do cấp huyện thực hiện.

- Thực hiện các nhiệm vụ về công tác an ninh trật tự và an toàn xã hội theo quy định; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về an ninh khác tại địa phương và chi hỗ trợ các nhiệm vụ an ninh khác do cấp huyện thực hiện.

2.4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác (bao gồm cả các hoạt động của trạm y tế cấp xã, phòng khám đa khoa khu vực).

- Chi đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo Luật bảo hiểm y tế; chi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Các hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình khác trên địa bàn cấp huyện quản lý.

2.5. Sự nghiệp văn hóa thông tin bao gồm: chi tổ chức các chương trình văn hóa nghệ thuật do cấp huyện thực hiện; chi tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ...; bảo tồn, bảo tàng, phim, ảnh, thư viện, lưu trữ, trùng tu di tích lịch sử; các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật, chiếu phim; hoạt động công tác gia đình và các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp huyện thực hiện.

2.6. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình bao gồm: thông tấn, phát thanh, truyền hình do cấp tỉnh thực hiện (kể cả chi trả chế độ nhuận bút theo quy định; chi duy tu, bảo dưỡng thiết bị phát thanh hằng năm); các nhiệm vụ chi khác do cấp huyện thực hiện.

2.7. Sự nghiệp thể dục, thể thao bao gồm: chi công tác bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức các giải thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao phong trào trên địa bàn các huyện, thành phố.

2.8. Sự nghiệp bảo vệ môi trường: hỗ trợ cho công tác bảo vệ môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo văn bản quy định; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; xử lý chất thải; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường; các hoạt động bảo vệ môi trường khác do cấp huyện thực hiện.

2.9. Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản: trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản; các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm; các nhiệm vụ khác do cấp huyện thực hiện.

- Sự nghiệp giao thông: chi sửa chữa thường xuyên đường huyện, đường đô thị; chi sửa chữa hệ thống cầu trên đường giao thông nông thôn (gồm cầu dàn thép, cầu dầm bê tông cốt thép, cầu treo dân sinh) do cấp huyện quản lý; chi sửa chữa định kỳ đường huyện quản lý.

- Chi kiến thiết thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, công viên và các sự nghiệp thị chính khác. Đặt hàng thực hiện công tác quản lý, chăm sóc cây xanh, công viên và các hoạt động kiến thiết thị chính khác do thành phố quản lý.

- Sự nghiệp tài nguyên, gồm: hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động quản lý tài nguyên khác do cấp huyện thực hiện theo phân cấp

- Chính sách hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; chính sách hỗ trợ sản xuất lúa.

- Chi các hoạt động xây dựng nông thôn mới và các hoạt động kinh tế khác do cấp huyện thực hiện.

- Đối ứng kinh phí sự nghiệp thực hiện các dự án, chương trình (nếu có).

2.10. Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã

hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ khác do cấp huyện quản lý thực hiện.

2.11. Chi bảo đảm xã hội, bao gồm: chi cho công tác người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội; trợ cấp, cứu tế xã hội và các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội do cấp huyện thực hiện.

2.12. Các khoản chi khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật (bao gồm cả chi ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện).

3. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

4. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm trước sang ngân sách cấp huyện năm sau.

5. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

III. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

1.2. Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và Luật đầu tư công cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này.

1.3. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên (bao gồm chi sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu)

2.1. Sự nghiệp giáo dục do cấp xã quản lý: chi hoạt động thường xuyên của trung tâm học tập cộng đồng; thực hiện phong trào học tập suốt đời và các hoạt động giáo dục khác do cấp xã thực hiện.

2.2. Sự nghiệp khoa học và công nghệ: chi nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

2.3. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: thuộc nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp, gồm:

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật Dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công

tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

- Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; chi hoạt động cho lực lượng công an xã theo phân cấp thuộc nhiệm vụ cấp xã; các khoản chi khác do cấp xã thực hiện.

2.4. Sự nghiệp y tế: chi các hoạt động phòng, chống dịch bệnh; nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, người cao tuổi và các hoạt động y tế khác do cấp xã thực hiện.

2.5. Sự nghiệp văn hóa, thông tin: các hoạt động văn hóa, thông tin trên địa bàn do cấp xã quản lý.

2.6. Sự nghiệp thể dục, thể thao: các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn do cấp xã quản lý.

2.7. Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh: các hoạt động phát thanh, truyền thanh trên địa bàn xã quản lý.

2.8. Sự nghiệp bảo vệ môi trường: bao gồm thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và các hoạt động bảo vệ môi trường khác do cấp xã quản lý.

2.9. Các hoạt động kinh tế:

- Chi sự nghiệp Giao thông: chi sửa chữa thường xuyên đường giao thông nông thôn do cấp xã quản lý.

- Chi duy tu, bảo dưỡng sửa chữa cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do xã quản lý.

- Chi sự nghiệp nông, lâm nghiệp; thủy lợi, thủy sản; tài nguyên và sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã thực hiện.

2.10. Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý và các nhiệm vụ quản lý hành chính khác do cấp xã thực hiện.

2.11. Chi bảo đảm xã hội: chi trợ cấp và cứu tế xã hội; công tác người cao tuổi; cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định; các nhiệm vụ chi bảo đảm xã hội khác do cấp xã thực hiện.

2.12. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau.

4. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước./.

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA TRÊN TỪNG ĐỊA BÀN (%)							
		Thành phố				Các huyện còn lại			
		Tỉnh	Thành phố			Tỉnh	Huyện		
			Thành phố	Phường	xã		Huyện	Thị trấn	xã
	THU NỘI ĐỊA								
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương								
1.1	Thuế giá trị gia tăng	100				100			
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100				100			
1.3	Thuế tài nguyên	100				100			
1.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100				100			
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương								
2.1	Thuế giá trị gia tăng	100				100			
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100				100			
2.3	Thuế tài nguyên	100				100			
2.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100				100			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh								
3.1	Thuế giá trị gia tăng + Thuế thu nhập doanh nghiệp								
-	Do Cục Thuế thu nộp	100				100			
-	Do Chi Cục Thuế thu nộp	50	50				100		
-	Do các phường thu nộp	50	50						
-	Do thị trấn thu nộp							100	
-	Do các xã thu nộp	50	50						100
3.2	Thuế tài nguyên + Thuế tiêu thụ đặc biệt								
-	Do Cục Thuế thu nộp	100				100			
-	Do Chi Cục Thuế thu nộp		100				100		

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA TRÊN TỪNG ĐỊA BÀN (%)							
		Thành phố				Các huyện còn lại			
		Tỉnh	Thành phố			Tỉnh	Huyện		
			Thành phố	Phường	xã		Huyện	Thị trấn	xã
-	Do các xã, phường, thị trấn thu nộp			100	100			100	100
4	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài								
4.1	Thuế giá trị gia tăng	100				100			
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100				100			
4.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100				100			
4.4	Thuế tài nguyên	100				100			
5	Lệ phí trước bạ								
5.1	Lệ phí trước bạ nhà, đất								
-	Nhà, đất thuộc địa bàn phường		50	50					
-	Nhà đất thuộc địa bàn xã, thị trấn				100			100	100
5.2	Lệ phí trước bạ khác		100				100		
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp								
-	Phát sinh trên địa bàn xã, phường, thị trấn			100	100			100	100
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
-	Phát sinh trên địa bàn phường		50	50					
-	Phát sinh trên địa bàn xã, thị trấn				100			100	100
8	Thuế thu nhập cá nhân								
-	Do Cục Thuế thu nộp	100				100			
-	Do Chi Cục Thuế thu nộp		100				100		
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán	100				100			
10	Thuế bảo vệ môi trường (phần ngân sách địa phương được hưởng)	100				100			
11	Thu phí và lệ phí								

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA TRÊN TỪNG ĐỊA BÀN (%)							
		Thành phố				Các huyện còn lại			
		Tỉnh	Thành phố			Tỉnh	Huyện		
			Thành phố	Phường	xã		Huyện	Thị trấn	xã
11.1	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	Thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn							
11.2	Các khoản phí, lệ phí còn lại								
-	Cục thuế, cơ quan cấp tỉnh thu nộp	100				100			
-	Chi cục thuế, cơ quan cấp huyện thu nộp		100				100		
-	Do các phường thu nộp			100					
-	Do các thị trấn thu nộp							100	
-	Do các xã thu nộp				100				100
12	Thu tiền sử dụng đất								
12.1	Thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất								
-	Thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cơ quan cấp tỉnh quản lý, sử dụng	100				100			
-	Thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cơ quan cấp huyện quản lý, sử dụng		100				100		
12.2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất thực hiện dự án								
a	Dự án do nhà đầu tư thực hiện (sau khi trừ chi phí nhà đầu tư đã ứng trước được đối trừ tiền thuê đất, tiền sử dụng đất...)								
-	Quỹ đất tái định cư	50	50			50	50		
-	Quỹ đất còn lại	80	20			90	10		
b	Dự án từ nguồn ngân sách tỉnh do tỉnh quyết định đầu tư (sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư)								
-	Quỹ đất tái định cư	50	50			50	50		
-	Quỹ đất còn lại	80	20			90	10		
c	Dự án từ nguồn ngân sách huyện, thành phố		100				100		

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA TRÊN TỪNG ĐỊA BÀN (%)							
		Thành phố				Các huyện còn lại			
		Tỉnh	Thành phố			Tỉnh	Huyện		
			Thành phố	Phường	xã		Huyện	Thị trấn	xã
-	Trường hợp dự án đầu tư từ nguồn ngân sách cấp huyện và có sử dụng nguồn ngân sách cấp tỉnh thực hiện phân chia sau khi trừ kinh phí ngân sách tỉnh đầu tư		100				100		
12.3	Công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất								
-	Cấp tỉnh quyết định	100				100			
-	Cấp huyện quyết định		100				100		
13	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu	100				100			
14	Thu tiền khai thác, cho thuê tài sản nhà nước								
-	Do cơ quan cấp tỉnh quản lý	100				100			
-	Do cơ quan cấp huyện quản lý		100				100		
15	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước								
-	Tiền thuê mặt đất, mặt nước thu một lần cho cả thời gian thuê	100				100			
-	Tiền thuê mặt đất, mặt nước hàng năm		100				100		
16	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt và tịch thu khác								
-	Do cơ quan cấp tỉnh thực hiện	100				100			
-	Do cơ quan cấp huyện thực hiện		100				100		
-	Do các xã, phường, thị trấn thực hiện			100	100			100	100
17	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (phần ngân sách địa phương được hưởng)	100				100			
18	Các khoản huy động, đóng góp								
-	Huy động, đóng góp cho tỉnh	100				100			

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA TRÊN TỪNG ĐỊA BÀN (%)							
		Thành phố				Các huyện còn lại			
		Tỉnh	Thành phố			Tỉnh	Huyện		
			Thành phố	Phường	xã		Huyện	Thị trấn	xã
-	Huy động, đóng góp cho huyện, thành phố		100				100		
-	Huy động, đóng góp cho các xã, phường, thị trấn			100	100			100	100
19	Thu từ bán tài sản nhà nước								
-	Do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý thu nộp	100				100			
-	Do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý thu nộp		100				100		
-	Do các xã, phường, thị trấn thu nộp			100	100			100	100
20	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước								
-	Do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý thu nộp	100				100			
-	Do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện xử lý thu nộp		100				100		
-	Do các xã, phường, thị trấn xử lý thu nộp			100	100			100	100
21	Thu từ tài sản Nhà nước giao các tổ chức kinh tế								
-	Do cơ quan cấp tỉnh giao tài sản	100				100			
-	Do cơ quan cấp huyện giao tài sản		100				100		
-	Do cơ quan cấp xã, phường, thị trấn giao tài sản			100	100			100	100
22	Thu viện trợ								
-	Viện trợ cho ngân sách tỉnh	100				100			
-	Viện trợ cho ngân sách huyện, thành phố		100				100		
-	Viện trợ cho ngân sách các xã, phường, thị trấn			100	100			100	100
23	Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	100				100			
24	Các khoản thu khác								
-	Do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu nộp	100				100			
-	Do cơ quan cấp huyện quản lý thu nộp		100				100		
-	Các xã, phường, thị trấn quản lý thu nộp			100	100			100	100
25	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản								

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA TRÊN TỪNG ĐỊA BÀN (%)							
		Thành phố				Các huyện còn lại			
		Tỉnh	Thành phố			Tỉnh	Huyện		
			Thành phố	Phường	xã		Huyện	Thị trấn	xã
-	Do các xã, phường, thị trấn quản lý			100	100			100	100
26	Thu chuyển nguồn								
-	Ngân sách tỉnh	100				100			
-	Ngân sách huyện, thành phố		100				100		
-	Ngân sách xã, phường, thị trấn			100	100			100	100
27	Thu kết dư								
-	Ngân sách tỉnh	100				100			
-	Ngân sách huyện, thành phố		100				100		
-	Ngân sách xã, phường, thị trấn			100	100			100	100